

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36./CBTT-CTy

Bảo Lộc, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Mã chứng khoán: DTB

Địa chỉ : Số 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Kim Hiền

Điện thoại: 02633.864057

Email: ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn

Website: <http://congydothibaoloc.com>

Loại thông tin công bố 24h 72h bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2019 được lập theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://congydothibaoloc.com> (mục quan hệ cổ đông) ngày 30/3/2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

GIÁM ĐỐC



Lê Kim Hiền

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5800001347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 11 năm 2016.
- Vốn điều lệ: 15.582.480.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.582.480.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: Số 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 02633. 864 057
- Website: <http://congydothibaoloc.com>
- Mã cổ phiếu: DTB

* Quá trình hình thành và phát triển.

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc là Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích và sản xuất kinh doanh, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1661/QĐ-UB ngày 17 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị sự nghiệp là Xí Nghiệp Công trình Đô thị Bảo Lộc và Đội Duy tu bảo dưỡng đường giao thông Bảo Lộc.

Ngày 18/05/2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1104/QĐ-UBND về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 30/06/2008.

Ngày 08/10/2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 2516/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc thành Công ty cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng qua Công ty cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai. Giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 30/06/2010, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2010 cho Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc với vốn điều lệ là 12.989.000.000 đồng. Sau 2 lần tăng vốn điều lệ, Công ty hiện nay có vốn điều lệ là 15.582.480.000 đồng.

Ngày 12/10/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản số 6978/UBCK-GSĐC về việc chấp thuận Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc trở thành công ty đại chúng.

Ngày 19/12/2018 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 113/2018/GCNCP-VSD với tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc; mã chứng khoán: DTB.

Ngày 15/7/2019, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 463/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc và Thông báo số 781/TB-SGDHN về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc. (Ngày giao dịch đầu tiên: 22/7/2019).



- Các sự kiện khác:

+ Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Kể từ khi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (16/07/2010) đến nay, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ 2 lần, cụ thể như sau:

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành (ngày) | Vốn điều lệ trước phát hành (1.000 đồng) | Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|-----|---|--|------------------------------------|--|---|--|
| 1 | 22/11/2013 | 12.989.000 | 1.693.480 | 14.682.480 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 07/05/2013 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 18/05/2013. |
| 2 | 20/01/2016 | 14.682.480 | 900.000 | 15.582.480 | Phát hành cho Cổ đông Nhà nước (Góp vốn hỗ trợ Doanh nghiệp mua sắm xe tưới nước chuyên dùng) | Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 51/QĐ-Cty ngày 10/11/2015 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua xe tưới nước chuyên dùng. |

+ Các thành tựu, bằng khen mà Doanh nghiệp đã đạt được:

Ngày 13/12/2010 Ủy ban Nhân dân thành phố Bảo Lộc tặng Giấy khen cho công ty theo Quyết định số 1979/QĐ-UBND vì đã có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng cơ quan đơn vị có văn hóa 10 năm (2000 - 2010);

Ngày 04/01/2011 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen cho công ty theo Quyết định số 14/QĐ-UBND vì đã có thành tích trong công tác tổ chức tuần lễ văn hóa trà Lâm Đồng lần thứ III;

Ngày 05/10/2011 Hiệp hội môi trường đô thị và khu công nghiệp Miền Nam tặng bằng khen cho công ty theo Quyết định số 26/QĐ-HH vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010;

Ngày 10/01/2013 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng Bằng khen cho công ty theo Quyết định số 47/QĐ-UBND vì đã có thành tích trong công tác tổ chức tuần lễ văn hóa trà Lâm Đồng lần thứ IV;

Bộ Tài nguyên Môi trường tặng bằng khen cho công ty vì đã có thành tích tiêu biểu trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường năm 2010 – 2013;

Ngày 25/12/2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen cho công ty theo Quyết định số 2826/QĐ-UBND vì đã có thành tích trong công tác tổ chức tuần lễ văn hóa trà Lâm Đồng lần thứ V;

Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng tặng Cờ thi đua cho công ty vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu các cụm, khối thi đua trong tỉnh năm 2014;

Ngày 02/03/2016 Ủy ban Nhân dân thành phố Bảo Lộc tặng Giấy khen cho công ty theo Quyết định số 375/QĐ-UBND vì đã đạt danh hiệu đạt chuẩn văn hóa trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2014 – 2015;

Ngày 26/12/2017 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen cho công ty theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND vì “Đã có thành tích trong thực hiện FESTIVAL hoa Đà Lạt lần thứ VII năm 2017”;

Ngày 17 tháng 03 năm 2018 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen cho công ty theo Quyết định số 458/QĐ-UBND vì “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2017”.

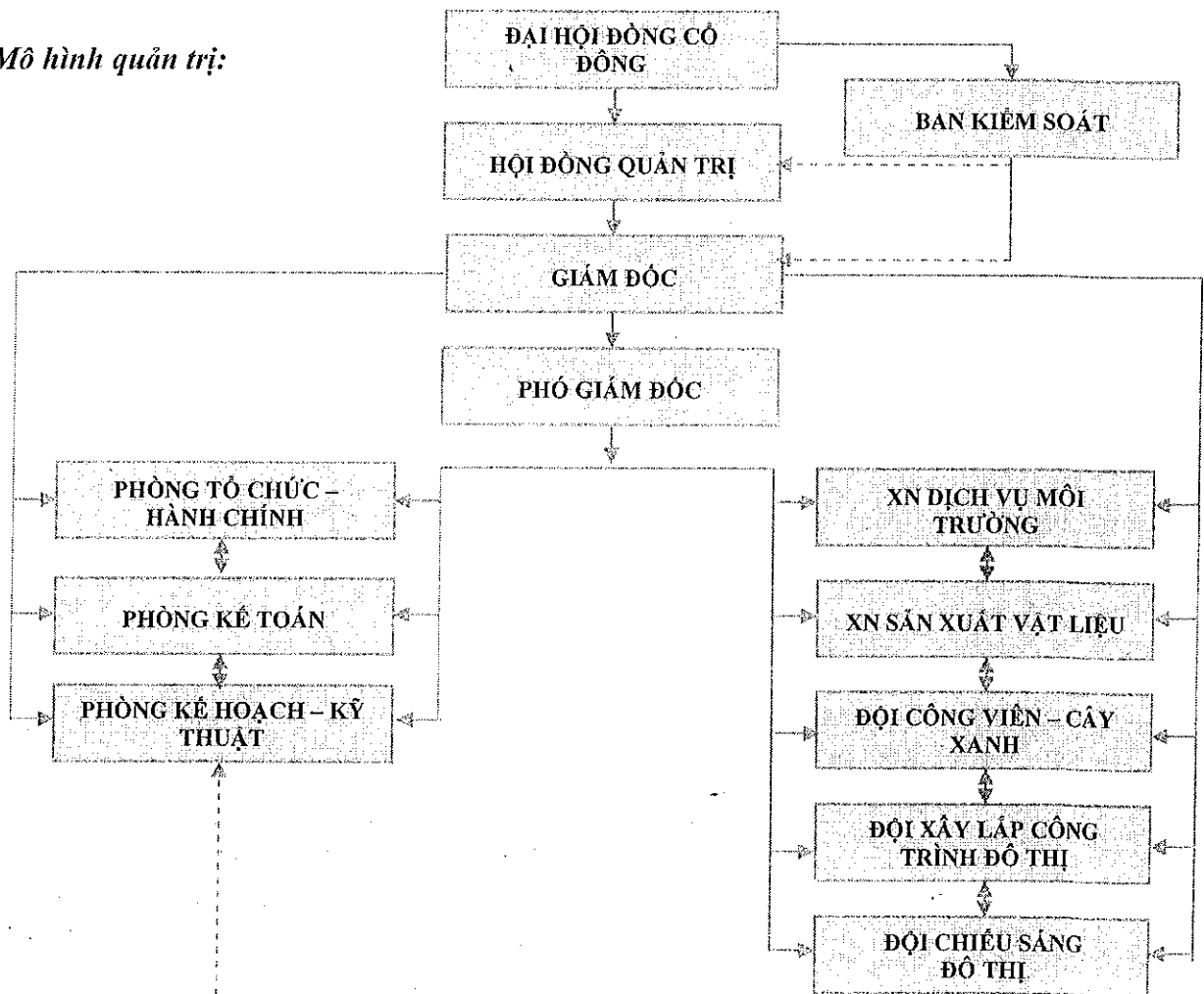
Năm 2018 công ty được UBND Tỉnh Lâm Đồng trao tặng cờ thi đua vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu các cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

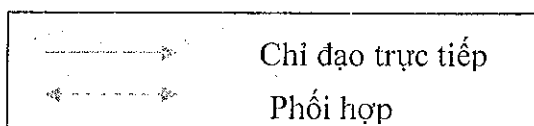
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (Không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng).
 - + Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa.
 - + Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng.
 - + Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước.
 - + Xây dựng, chăm sóc, duy trì công viên, khu vực cây xanh.
 - + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - + Sửa chữa cơ khí nhỏ, rửa xe, bơm dầu nhớt.
 - + Khai thác, chế biến vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi,...).
 - + Kinh doanh gas, khí đốt. Duy tu, bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè. Tổ chức quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc. Kinh doanh phát triển nhà, quản lý, cho thuê nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước được giao quản lý. Tư vấn, đầu tư, thi công, quản lý điều hành các dự án cầu, đường giao thông đến cấp 2, công trình điện dưới 35KV, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước, công viên, cây xanh đô thị.
- Địa bàn kinh doanh: Thực hiện các công trình trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và các khu vực lân cận thuộc tỉnh Lâm Đồng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* Mô hình quản trị:



Ghi chú:



*** Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 24/4/2019;
- Luật và các quy định khác có liên quan.

a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD):

- + ĐHĐCD gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất. ĐHĐCD có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- + Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- + Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- + Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị (HĐQT):

- HĐQT do ĐHĐCD bầu ra, HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.
- HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - + Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - + Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn dưới hình thức khác;
 - + Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó;
 - + Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - + Quyết định triệu tập ĐHĐCD hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCD thông qua quyết định;
 - + Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCD;
 - + Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c. Ban kiểm soát (BKS):

- BKS Công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có

liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

- BKS có nhiệm vụ và quyền hạn:

- + Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- + Kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- + Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

d. Chủ tịch HĐQT:

- HĐQT bầu 01 thành viên của HĐQT làm Chủ tịch HĐQT.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - + Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - + Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - + Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - + Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp HĐQT;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty.
- Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT.

e. Ban Giám đốc:

Giám đốc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đến cuối năm 2019 giúp việc cho Giám đốc có 01 Phó Giám đốc.

f. Các phòng ban, đơn vị trực thuộc trong Công ty:

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện công việc chức năng theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
 - + Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng làm hài lòng khách hàng.
 - + Tập trung nguồn lực hỗ trợ nhằm thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị góp phần đưa thành phố Bảo Lộc đạt chuẩn đô thị loại II.
 - + Trở thành doanh nghiệp top đầu trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Từng bước xây dựng thương hiệu riêng cho công ty, tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu hút đầu tư vào công ty.
 - + Cải thiện và nâng cao năng lực, tay nghề, trình độ của cán bộ, công nhân viên. Đầu tư, bổ sung và trang bị các máy móc, thiết bị tối ưu, hiện đại để tiến tới đầu thầu, cạnh tranh với các đối tác khác trong lĩnh vực dịch vụ công ích, xây dựng cơ bản và các lĩnh vực công ty có chức năng thực hiện trong phạm vi thành phố Bảo Lộc và tỉnh Lâm Đồng.
 - + Huy động nguồn vốn của các cổ đông để đầu tư máy móc, thiết bị, mở rộng thị trường kinh doanh, tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư để phối hợp phát triển các lĩnh vực Công ty đang thực hiện.
- Các mục tiêu phát triển bền vững:
 - + Xây dựng và duy trì mỹ quan đô thị của thành phố Bảo Lộc, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh đến các huyện và các tỉnh lân cận.

+ Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty.

+ Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa ... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân tại địa phương.

5. Các rủi ro:

* *Rủi ro đặc thù ngành:*

- Rủi ro hoạt động: Hoạt động chính của Công ty là các hoạt động dịch vụ công ích đô thị nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức người dân và thời tiết. Hiện tại, ý thức giữ gìn vệ sinh chung của người dân là khác nhau trong khi lượng rác thải khó xử lý hàng ngày lớn, bao gồm cả rác thải công nghiệp, rác thải không tái chế, ... Bên cạnh đó, nhà máy xử lý rác khu vực của Công ty cổ phần Môi trường xanh Friendly chưa đáp ứng yêu cầu xử lý và luôn trong tình trạng quá tải, dùng hoạt động kéo theo việc tăng thêm chi phí xử lý và khối lượng công việc cho đội ngũ công nhân viên Công ty.

Ngoài ra, các cơ quan ban ngành vẫn kiểm soát đơn giá đầu ra của hầu hết các dịch vụ công ích và thường là không theo kịp mức tăng trong chi phí đầu vào của Công ty, đặc biệt khi chi phí lương của người lao động tăng, việc đổi mới máy móc, thiết bị mới có giá thành cao, ...

Với tình hình trên có thể dẫn đến các khó khăn về tài chính, nhân lực và chính sách điều hành của Công ty. Nhưng hiện nay, trong quá trình hội nhập và hiện đại hóa, ý thức của người dân đang dần thay đổi theo chiều hướng tốt như quan tâm đến bảo vệ môi trường, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm có thể tái sử dụng và tham gia các phong trào giữ gìn vệ sinh chung, ngày hoạt động công ích, ... đã tác động tích cực đến hoạt động của Công ty nói riêng và nâng cao hình ảnh chung của địa bàn thành phố Bảo Lộc.

- Rủi ro cạnh tranh: Để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các dự án xây dựng và dịch vụ công ích, Chính Phủ hoàn toàn ủy quyền cho UBND tỉnh, UBND thành phố áp dụng hình thức đấu thầu để chọn nhà cung ứng dịch vụ công ích cho địa phương. Thêm vào đó, các đơn vị trong ngành cạnh tranh về sản phẩm và dịch vụ cung ứng; thiết bị, máy móc đang dần thay đổi theo xu hướng hiện đại để tăng năng suất làm việc và giảm áp lực cho công nhân viên chính là một yếu tố cạnh tranh được quan tâm nhất. Điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường thu hút vốn, đẩy mạnh cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ vững vị trí hiện có.

* *Rủi ro pháp luật:*

Pháp luật là một trong những yếu tố ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của Công ty nói riêng.

Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc hoạt động và chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường ... Với những nỗ lực của Chính Phủ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế, việc đưa ra những sửa đổi, cải cách trong thời gian tới là một điều tất yếu, nhất là trong vấn đề cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, đòi hỏi các Công ty hoạt động hợp pháp trên thị trường nhanh chóng cập nhật và linh hoạt thích nghi để tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tài chính cũng như hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường.

Hiểu rõ được tầm quan trọng của yếu tố pháp luật, Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định, thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp cho phù hợp với sự thay đổi của môi trường pháp lý, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả, đúng pháp luật.

* *Rủi ro về môi trường:*

Với ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, Công ty phải luôn nâng cao ý thức và đi đầu trong vấn đề bảo vệ môi trường sống của cộng đồng dân cư cũng như đảm bảo xây dựng và phát triển vẻ đẹp cảnh quan thành phố Bảo Lộc. Tuy nhiên, vì công việc vận chuyển và xử lý rác thải dễ gây ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân, Công ty đã chủ động cải thiện và hạn chế các tác động này gồm: thường xuyên bảo dưỡng, vệ sinh các trang thiết bị xe máy, các công cụ, dụng cụ làm việc. Phối hợp với UBND thành phố Bảo Lộc, Công ty cổ phần Môi trường xanh Friendly để trồng cây xanh, xây dựng hệ thống xử lý nước rác tạm thời tại nhà máy xử lý; đề xuất các biện pháp xử lý và nâng sức chứa cho khu xử lý rác; tham khảo lắng nghe ý kiến người dân; ... Những điều này có ảnh hưởng rất lớn đến hình ảnh của Công ty và cả địa bàn tỉnh, nhất là trong giai đoạn hiện nay, cư dân trong các thành phố khá quan tâm đến vấn đề môi trường và lợi ích xã hội trong khu vực

họ sinh sống.

* *Rủi ro khác:*

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, tai nạn lao động ... Để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, Công ty luôn chú trọng đảm bảo an toàn về con người và tài sản bằng cách thường xuyên kiểm tra trang thiết bị, đảm bảo thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn đầy đủ cho cán bộ, công nhân các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, đồng thời mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (ĐVT: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 (1) | Thực hiện năm 2019 (2) | So sánh % (3 = 2/1) |
|------|------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 40.765 | 46.573 | 114% |
| 1.1. | Hoạt động công ích | 39.111 | 41.924 | 107% |
| 1.2. | XDCB và hoạt động khác | 1.654 | 4.649 | 281% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3.378 | 2.052 | 61% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2.360 | 1.606 | 68% |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (ĐVT: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Nghị quyết năm 2019 1 | Thực hiện năm 2019 2 | So sánh % 3=2/1 |
|-----|--|--------------------------|-------------------------|--------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 45.630 | 46.573 | 102% |
| 1.1 | Hoạt động công ích (bao gồm thu giá dịch vụ môi trường) | 40.630 | 41.924 | 103% |
| 1.2 | XDCB, hoạt động khác, ... | 5.000 | 4.649 | 93% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 2.200 | 1.606 | 73% |

Lợi nhuận năm 2019 chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội cổ đông là do chưa thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên, kết quả của hợp đồng chưa được phân chia, đang hạch toán hợp nhất chung tại báo cáo tài chính Công ty.

- Cơ cấu chi phí: (ĐVT: Triệu đồng).

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 (1) | Thực hiện năm 2019 (2) | So sánh % (3 = 2/1) |
|-----|------------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 30.622 | 38.046 | 124% |
| 2 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7.017 | 6.056 | 86% |
| 3 | Chi phí khác | 182 | 643 | 353% |

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty đã phát huy tối đa năng lực; trách nhiệm, cố gắng rất nhiều để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao đầu năm. Tuy nhiên còn nhiều hạn chế trong việc điều hành, còn bộc lộ những hạn chế nhất định cần phải khắc phục, còn có ý kiến của nhân dân phản ánh về chất lượng phục vụ.

- Hoạt động công ích của Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, doanh thu vượt kế hoạch. Hoạt động khác còn bị hạn chế trong việc làm chủ đầu tư, tổ chức thi công xây dựng do các quy định, nghị định, luật đấu thầu ban hành nên chưa đạt mức kế hoạch đề ra nhưng cũng đã đạt kết quả cao hơn so với năm trước.

- Năm 2019, tuy sản xuất kinh doanh chưa đạt mức lợi nhuận đề ra, nhưng vẫn bảo toàn được nguồn vốn Nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và kiến nghị Đại hội cổ đông phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

* Danh sách Ban điều hành:

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|------------|--------------------------|----------------------|
| I | Hội đồng quản trị | |
| 1 | Lê Kim Hiền | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Hoàng Văn Quang | Thành viên HĐQT |
| 3 | Đỗ Hữu Súly | Thành viên HĐQT |
| 4 | Nguyễn Duy Tiên | Thành viên HĐQT |
| 5 | Phan Huy Thanh | Thành viên HĐQT |
| II | Ban kiểm soát | |
| 1 | Phạm Văn Minh | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Bùi Thị Hải Yến | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Đức Hạnh | Thành viên |
| III | Ban Giám đốc | |
| 1 | Lê Kim Hiền | Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Duy Tiên | Phó Giám đốc |
| IV | Kế toán trưởng | |
| 1 | Lưu Quang Tuấn | Kế toán trưởng |

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông LÊ KIM HIỀN – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc

- Họ và tên : LÊ KIM HIỀN
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1965
- Số CMND : 250261441 Ngày cấp: 09/12/2015 Nơi cấp: CA tỉnh Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 72 Đội Cấn – Lộc Sơn – Bảo Lộc – Lâm Đồng
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-----------|---------------------|----------------|-------------------|-------------------------------|
| Trung cấp | Cơ khí | 1986 | 10/1983 – 10/1986 | Trung học nông nghiệp Bảo Lộc |
| Đại học | Quản trị kinh doanh | 2012 | 2008 – 2012 | Đại học Đà Lạt |
| Trung cấp | Chính trị | 2009 | 2007 – 2009 | Chính trị Lâm Đồng |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|--------------------------------|-------------------|
| 1986 - 1988 | Nông trường dâu tằm Kô Hin Đa | Ban chỉ huy đội |
| 1988 - 1989 | Xí nghiệp phân bón Đại Lào | Kỹ thuật cơ khí |
| 1989 - 1997 | Nhà máy chè 19/5 | Công nhân cơ điện |
| 1997 - 1998 | Văn phòng Công ty chè Lâm Đồng | Công nhân cơ điện |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|---|----------------------------------|
| | (xưởng chè xanh II) | |
| 1998 - 2005 | Nhà máy chè 1/5 | Tổ trưởng cơ điện |
| 2005 – 2008 | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Đội trưởng Đội Sản xuất vật liệu |
| 2008 – 2014 | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Giám đốc XN Dịch vụ môi trường |
| 2014 - 2016 | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Phó giám đốc công ty |
| 11/2016 đến nay | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Giám đốc Công ty |
| 06/2015 - 7/2019 | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên HĐQT |
| 7/2019 đến nay | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT – Giám đốc.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 962.711 cổ phiếu, tương đương 61,78% VDL

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 5.700 cổ phiếu, tương đương 0,37% VDL

Sở hữu đại diện phần vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng: 957.011 cổ phiếu, tương đương 61,42% VDL.

- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-------------------------------|--|-------------------------|------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng | Đại diện vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | 957.011 | 61,42 |

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng: Không có

2.1.2. Ông HOÀNG VĂN QUANG – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : HOÀNG VĂN QUANG

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 05/06/1959

- Quốc tịch : Việt Nam

- CMND số : 250301630 Ngày cấp: 04/05/2011 Nơi cấp: CA Lâm Đồng

- Địa chỉ thường trú: 909 đường Trần Phú, phường Blao, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp – chuyên ngành kinh tế.

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-------------------------|-------------------|----------------|----------------------|--------------------------------|
| Kỹ sư lâm nghiệp | Kinh tế | 1984 | 05 năm (1979 – 1984) | Trường Đại học Lâm nghiệp |
| Bằng tốt nghiệp cao cấp | Lý luận chính trị | 2007 | 03 năm (2005 – 2007) | Học viện chính trị khu vực III |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------------|--|----------------------|
| 1985 – 07/1985 | Phòng Kế hoạch – Vật tư, Sở Lâm nghiệp, tỉnh Lâm Đồng | Nhân viên |
| 08/1985 – 06/1989 | Phòng Kế hoạch Lâm trường Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | Trưởng phòng |
| 1989 – 1990 | Ban Giám đốc Lâm trường Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | Phó Giám đốc |
| 1990 – 1991 | Ban Giám đốc Lâm trường Đambri | Quyền Giám đốc |
| 03/1991 – 11/1991 | Liên hiệp Lâm – công nghiệp I – Lâm Đồng | Quyền Kế toán trưởng |
| 11/1991 – 01/1993 | Liên hiệp Lâm – công nghiệp I – Lâm Đồng | Kế toán trưởng |
| 01/1993 – 19/03/1997 | Công ty Khai thác – chế biến lâm sản I, Lâm Đồng | Kế toán trưởng |
| 20/03/1997 – 12/01/2003 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | Kế toán trưởng |
| 13/01/2003 – 03/12/2006 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | Phó Giám đốc |
| 04/12/2006 – 11/2016 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | Giám đốc |
| 2010 – 11/2019 | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | Chủ tịch HĐQT |
| 11/2019 đến nay | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | Thành viên HĐQT |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT.

- Chức danh nắm giữ ở các tổ chức khác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|-------------------------------------|--------------|
| 2014 - 2019 | Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng | Phó Chủ tịch |

- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 13.400 cổ phiếu, tương đương 0,86% VDL
Trong đó: Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, tương đương 0,86% VDL.

Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL.

- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------------|-------------|-------------------------|------------------|
| Phan Thị Lệ Hằng | Vợ | 6.900 | 0,44 |
| Hoàng Ngọc Thịnh | Con | 5.100 | 0,33 |
| Hoàng Ngọc Linh | Con | 5.000 | 0,32 |
| Hoàng Văn Minh | Em ruột | 2.000 | 0,13 |
| Phan Thị Hằng | Em dâu | 5.000 | 0,32 |
| Hoàng Hồng Quân | Cháu ruột | 1.700 | 0,11 |
| Hoàng Thị Hồng Vân | Cháu ruột | 400 | 0,03 |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty Đại chúng: Không có.

2.1.3. Ông ĐỖ HỮU SÚY – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : ĐỖ HỮU SÚY
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 03/03/1959
- Số CMND : 250367701 Ngày cấp: 07/09/2006 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 03 Lý Thường Kiệt, P.2, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------------------------|--------------|----------------|-------------------|---|
| Chỉ huy kỹ thuật công binh | Công binh | 1982 | 1979 - 1982 | Trường sỹ quan chỉ huy kỹ thuật công binh |
| Cử nhân | Kinh tế | 1992 | 1987 – 1992 | Trường Đại học Kinh tế TP. HCM |
| Cử nhân | Luật | 2013 | 2010 – 2013 | Trường Đại học Trà Vinh |
| Cử nhân | Chính trị | 2004 | 2000 – 2004 | Học viện chính trị Quốc gia TP. HCM |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|--------------------------------|
| 1976 - 1986 | Quân đội Nhân dân Việt Nam | Thượng úy |
| 1987 - 2010 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc | Phó Giám đốc |
| 2010 – T4/2019 | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc |
| T4/2019 đến nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên HĐQT |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|-------------------------------------|--|
| 2016 – 2017 | Hội Sinh vật cảnh Thành phố Bảo Lộc | Chủ tịch Hội, thành viên MTTQVN TP Bảo Lộc |

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 4.948 cổ phiếu, tỷ lệ 0,32% VDL
- Trong đó: Cá nhân sở hữu: 4.948 cổ phiếu, tương đương 0,32% VDL*
- Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL*

- Số cổ phần của những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng : Không có

2.1.4. Ông NGUYỄN DUY TIÊN – Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN DUY TIÊN
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/06/1971

- Số CMND : 250589271 Ngày cấp: 12/7/2017 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 107 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường bộ

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-----------|-------------------|----------------|-------------------|---|
| Trung cấp | Kế toán | 1994 | 1991 - 1994 | Trường trung cấp dạy nghề Bảo Lộc |
| Kỹ sư | Cầu đường bộ | 2006 | 2001 - 2006 | Trường ĐH Giao thông vận tải cơ sở 2, Q.9 TP. HCM |
| Trung cấp | Lý luận chính trị | 2016 | 2015 - 2016 | Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|---|
| 1994 - 1998 | Nông trường chè Minh Rồng thị trấn Lộc Thắng – Bảo Lâm | Đội phó đội 1 |
| 1998 - 2003 | Công ty Công trình giao thông Lâm Đồng | Chuyên viên phòng TC - HC |
| 2005 - 2017 | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Đội trưởng đội xây lắp trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc |
| 2015 - đến nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên HĐQT |
| 06/2018 - đến nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Phó Giám đốc công ty |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 6.800 cổ phiếu, tương đương 0,44% VDL
Trong đó: Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phiếu, tương đương 0,44% VDL
Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL.
- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------------|-------------|-------------------------|------------------|
| Ngô Thị Oanh | Vợ | 4.800 | 0,31% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng : Không có

2.1.5. Ông PHAN HUY THANH – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : PHAN HUY THANH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/10/1945
- Số CMND : 250060083 Ngày cấp: 28/10/2010 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : 8/2 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, TP. Bảo Lộc
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|--------------|----------------|-------------------|--------------------------|
| Đại học | Kinh tế | 1986 | 4 năm | Đại học Kinh tế Quốc dân |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------|---|----------------------|
| 1963 - 1965 | Thanh niên quốc phòng | Đại đội trưởng |
| 1966 - 1968 | Trường Cán bộ Thống kê trung ương | Bí thư Đoàn |
| 1969 - 1975 | Phòng Thống kê Anh Sơn – Nghệ An | Trưởng phòng |
| 1976 - 1983 | Huyện ủy Bảo Lộc | Chánh văn phòng |
| 1984 - 1997 | Thị xã Bảo Lộc | Chủ tịch UBND Thị xã |
| 2010 đến nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên HĐQT |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phiếu, tương đương 0,32% VDL
Trong đó: Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, tương đương 0,32% VDL
Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng: Không có

2.2. Danh sách Ban kiểm soát:

2.2.1. Ông PHẠM VĂN MINH – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : PHẠM VĂN MINH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 04/02/1957
- Số CMND : 250066331 Ngày cấp: 15/07/2011 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 101C Nguyễn Văn Cừ, Lộc Sơn, Bảo Lộc
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |
|------------|---|------------------------|
| Đại học | Quản trị kinh doanh | Đại học Hồng Bàng |
| Chứng nhận | Bồi dưỡng Kiểm soát viên & Ban kiểm soát doanh nghiệp | Phòng TM & CN Việt Nam |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|-------------------------------------|---------|
| 1978 – 1984 | Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc | Kế toán |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|--|----------------------|
| 1984 - 1992 | Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc | Kế toán trưởng |
| 1992 - nay | Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Bảo Lộc | Chuyên viên |
| 2010 – nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Trưởng Ban kiểm soát |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Phòng tài chính – Kế hoạch thành phố Bảo Lộc.

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.000 cổ phiếu, tương đương 0,06% VDL

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, tương đương 0,06% VDL

Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL.

- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-------------------------|-------------|-------------------------|------------------|
| Phạm Nguyễn Thiên Quang | Con | 2.100 | 0,13% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

2.2.2. Bà BÙI THỊ HẢI YẾN – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : BÙI THỊ HẢI YẾN
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 30/01/1985
- Số CMND : 250553425 Ngày cấp: 16/01/2009 Nơi cấp: CA. Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, Phường 2, TP.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |
|----------|-------------------|-----------------------|
| Đại học | Tài chính kế toán | Trường Đại học Đà Lạt |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|---|--------------------------|
| 2006 - 2010 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc | Nhân viên phòng KH – KT |
| 2010 - nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Nhân viên phòng KH – KT |
| 2012 - nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên Ban kiểm soát |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát - Nhân viên phòng KH - KT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 1.200 cổ phiếu, tương đương 0,08% VDL
- Trong đó: Cá nhân sở hữu: 1.200 cổ phiếu, tương đương 0,08% VDL*
- Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VDL*
- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------------|-------------|-------------------------|------------------|
| Bùi Thanh Tùng | Anh ruột | 1.400 | 0,09% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng: Không có

2.2.3. Ông NGUYỄN ĐỨC HẠNH – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN ĐỨC HẠNH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/09/1967
- Số CMND : 250432603 Ngày cấp: 08/07/2015 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 22 Yên Thế, phường 2, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |
|-----------|-------------------------------|---|
| Trung cấp | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | Trường trung học kỹ thuật nông nghiệp Bảo Lộc |
| Trung cấp | Lý luận chính trị | Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng |
| Đại học | Tài chính kế toán | Trường Đại học Đà Lạt |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|--|---|
| 1986 - 1990 | Tiểu đoàn 158 Vùng 1 Hải Quân | Giáo viên – trung đội trưởng |
| 1991 - 1995 | Nhà máy chè 1-5 thuộc liên hiệp các xí nghiệp chè Lâm Đồng | Công nhân |
| 1995 - 2010 | Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc | Đội trưởng đội công viên cây xanh, trực thuộc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc |
| 2010 - nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Đội trưởng đội công viên cây xanh, trực thuộc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc |
| 2015 - nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Thành viên Ban kiểm soát |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát - Đội trưởng đội công viên cây xanh
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 17.589 cổ phiếu, tương đương 1,13%VĐL

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 4.600 cổ phiếu, tương đương 0,30% VĐL

Được ủy quyền đại diện phần vốn của Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc: 12.989 cổ phiếu, tương đương 0,83%VĐL.

- Số cổ phần của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|-------------------------|------------------|
| Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Đại diện phần vốn của Công đoàn cơ sở tại Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | 12.989 | 0,83 |

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng : Không có

2.3. Kế toán trưởng:

- Họ và tên : LƯU QUANG TUẤN
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/02/1964
- Số CMND : 250737373 Ngày cấp: 15/05/2005 Nơi cấp: CA Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 – Phường I – TP. Bảo Lộc
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|---------------------|----------------|-------------------|--|
| Cử nhân | Tài chính – Kế toán | 2009 | 04 năm | Trung tâm đào tạo tại chức Đà Lạt – Lâm Đồng |

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|--|----------------|
| 1991 - 1997 | Xí nghiệp Dầu tầm Cát Tiên – Đạ Tẻh – Lâm Đồng | Kế toán |
| 1997 - 2009 | UBND huyện Đạ Tẻh - Lâm Đồng | Kế toán |
| 2009 - nay | Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc | Kế toán trưởng |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3.200 cổ phiếu, tương đương 0,21%VĐL
- Trong đó: Cá nhân sở hữu: 3.200 cổ phiếu, tương đương 0,21%VĐL*
- Được ủy quyền: 0 cổ phiếu, tương đương 0% VĐL*

- Số cổ phần của những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng: Không có

* Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 01/4/2019, ông Đỗ Hữu Sứy – Phó Giám đốc nghỉ hưởng chế độ hưu trí theo Quyết định số 10/QĐ-Cty ngày 26/02/2019 của Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc.
- Ngày 01/7/2019, ông Hoàng Văn Quang nghỉ hưu để hưởng chế độ chế độ hưu trí theo Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Ngày 07/11/2019 miễn nhiệm và bàn giao chức vụ Chủ tịch HĐQT theo Nghị Quyết số 24/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công

ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc cho Ông Lê Kim Hiền0a

- Ngày 26/9/2019 UBND Tỉnh Lâm Đồng cử ông Lê Kim Hiền làm đại diện chủ sở hữu nắm giữ 100% phần vốn Nhà nước tại công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND.

* Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động trong danh sách: 155 người.
- + Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc: 1 người.
- + Ban giám đốc + Kế toán trưởng: 2 người.
- + Các Phòng chức năng (P.KH-KT, P.KT, P.TC-HC): 15 người.
- + Các đơn vị sản xuất: 137 người.

| | |
|-------------------------------|----------|
| Xí nghiệp Dịch vụ Môi Trường: | 75 người |
| Đội Công viên - Cây xanh: | 28 người |
| Đội chiếu sáng đô thị: | 14 người |
| Đội xây lắp đô thị: | 19 người |
| Xí nghiệp VLXD: | 01 người |

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tiền lương của người lao động trong Công ty được chi trả theo hệ số, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó công ty cũng chú tâm đến công tác đào tạo nhân sự, chủ yếu là đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong công ty còn được hưởng các đãi ngộ với các hình thức như: trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Nhằm nâng cao đời sống của người lao động, giúp người lao động gắn bó với công ty và thu hút nguồn lực từ bên ngoài, Ban lãnh đạo công ty luôn cố gắng thực hiện việc gia tăng thu nhập của cán bộ công nhân viên qua các năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

| STT | Dự án | Nhà cung ứng | Thời gian ký kết | Thời gian thực hiện | Giá trị hợp đồng (Triệu đồng) |
|------------------|---|---|------------------|---------------------|-------------------------------|
| 1 | Xe ô tô Mitsubishi 07 chỗ | Chi nhánh Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải sài gòn-TNHH MTV- XN công nghiệp và dịch vụ ô tô | 17/04/2019 | 23/04/2019 | 1.182 |
| 2 | Mua sắm 01 xe tải nhỏ chuyên dùng phục vụ công ích đô thị | Công ty cổ phần ô tô Trường Hải | 12/08/2019 | 14/08/2019 | 304 |
| Tổng cộng | | | | | 1.486 |

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính: (ĐVT: Triệu đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng (+), giảm (-) |
|------------------------------------|----------|----------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản: | 36.311 | 36.461 | +0,41% |
| Doanh thu thuần: | 40.765 | 46.573 | +14,25% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: | 3.173 | 2.610 | -17,74% |
| Lợi nhuận khác: | 205 | (558) | |
| Lợi nhuận trước thuế: | 3.378 | 2.052 | -39,25% |
| Lợi nhuận sau thuế: | 2.360 | 1.606 | -31,95% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: (%) | 10,57% | 7,66% | -2,91% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|--|------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | Lần | 1,46 | 1,53 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 1,35 | 1,47 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: | | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản: | Lần | 0,48 | 0,50 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: | Lần | 0,94 | 1,02 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | Vòng | 15,28 | 23,93 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 1,14 | 1,28 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: | | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: | % | 5,79 | 3,45 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: | % | 13,28 | 8,73 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: | % | 6,62 | 4,42 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần: | % | 7,78 | 5,6 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.558.248 cổ phiếu.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.545.259 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 12.989 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.558.248 cổ phiếu.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- + Cổ phiếu thường: 1.558.248 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.558.248 cổ phiếu.
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

| STT | Cổ đông | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ |
|----------|-------------------|-------------------------|------------------------|-------------|
| I | Trong nước | 1.558.248 | 15.582.480.000 | 100% |
| 1.1 | Tổ chức | 976.000 | 9.760.000.000 | 62,63% |
| 1.2 | Cá nhân | 582.248 | 5.858.480.000 | 37,37% |

| STT | Cổ đông | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ |
|------------------|------------|-------------------------|------------------------|-------------|
| II | Nước ngoài | 0 | 0 | 0% |
| 2.1 | Cá nhân | 0 | 0 | 0% |
| 2.2 | Tổ chức | 0 | 0 | 0% |
| Tổng cộng | | 1.558.248 | 15.582.480.000 | 100% |

- Danh sách cổ đông lớn:

| STT | Cổ đông | Số CMND/ Giấy CNDKKD | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------|-------------------------------------|--|---|------------------|---------------|
| 1 | Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng | Quyết định số 2080/QĐ-UBND Ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng | Số 04, Trần Hung Đạo, Phường 3, TP. Đà Lạt | 957.011 | 61,42% |
| 2 | Vũ Thị Khuyên | Căn cước công dân số 303185001386 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 26/01/2016 | Số 11 Huỳnh Thúc Kháng, Khu 8, Thanh Bình, TP Hải Đương | 103.400 | 6,64% |
| Tổng cộng | | | | 1.060.411 | 68,05% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu Công ty sử dụng nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất trong nước để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm cây xanh, cây kiểng, các loại hoa, cây lá màu, xăng, dầu, nhớt, nhựa đường, vật tư thiết bị điện công nghiệp (dùng trong ngành chiếu sáng công cộng), vật liệu xây dựng các loại, một số sản phẩm cơ khí chế tạo,...

Công ty có nguồn cung ứng khá ổn định, phần lớn các nhà cung cấp đều chấp thuận phương thức trả chậm hoặc thanh toán theo phương thức gói đầu và luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung ứng.

Bên cạnh đó, Công ty luôn cố gắng tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí này. Tuyên truyền, vận động đến từng cán bộ công nhân viên sử dụng có hiệu quả, đóng góp sáng kiến nhằm sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu.

Các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Thu gom rác thải không độc hại: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng công trình đường bộ: Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước.

- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng từ điện, xăng, dầu, nhớt,... để phục vụ cho quá trình vận chuyển rác thải, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình công cộng... Trên thực tế, các doanh nghiệp đang được khuyến khích tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế cho năng lượng xăng, dầu, nhớt,... bởi trữ lượng của nhiên liệu này có hạn và quá trình tiêu thụ năng lượng sản sinh ra khí thải ảnh hưởng môi trường không khí. Để hạn chế tác động đến môi trường và thực hành tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, Công ty luôn chủ trương chỉ đạo tập thể người lao động sử dụng hợp lý nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của cán bộ, công nhân viên. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường nên thành phố phần nào cũng bị ảnh hưởng do nạn hạn hán gây ra, tình trạng khan hiếm nước ngọt ảnh hưởng đến nền nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân trong thành phố. Chính vì thế, Công ty khuyến khích tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

Ngoài ra công ty còn sử dụng nước nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong nội bộ công ty, ở đây công ty vận động phong trào tiết kiệm “Tắt khi không sử dụng” và mang lại những kết quả tích cực.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Trong năm qua, Công ty không có vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tính đến thời điểm 31/12/2019 tổng số lao động của Công ty là 155 người, với cơ cấu phân theo trình độ lao động, hợp đồng lao động và giới tính như sau:

| Tiêu chí | Số lượng (người) |
|---|------------------|
| Tổng cộng | |
| Phân theo trình độ lao động | |
| - Trên đại học | |
| - Trình độ đại học | 26 |
| - Trình độ cao đẳng, trung cấp | 11 |
| - Trình độ khác | 118 |
| Phân theo loại hợp đồng lao động | |
| - Hợp đồng không thời hạn | 133 |
| - Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm | 22 |
| - Hợp đồng thời vụ | |
| Phân theo giới tính | |
| - Nữ | 54 |
| - Nam | 101 |

- Mức lương bình quân của người lao động trong năm 2019: 7.300.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn đề cao tầm quan trọng của người lao động đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của tập thể cán bộ, công nhân viên. Bên cạnh việc luôn chấp hành các quy định của pháp luật về lương thưởng, phúc lợi cho người lao động, Công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ để tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó giữa các bộ phận với nhau cũng như giữa cán bộ công nhân viên với cán bộ quản lý. Ngoài ra, mỗi năm Công ty đều đặt việc nâng cao mức thu nhập cho người lao động là một trong những mục tiêu cần đạt được.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong định hướng và chiến lược phát triển bền vững, Công ty luôn hướng đến cân bằng lợi ích cho cổ đông, Công ty và xã hội. Hoạt động vì cộng đồng của Công ty hướng đến mục tiêu góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư, xây dựng hình ảnh và gia tăng ảnh hưởng của Công ty trên địa bàn hoạt động. Những hoạt động vì cộng đồng này của Công ty không phải là những hoạt động từ thiện đơn thuần mà là một cam kết dài hạn của Công ty đối với cộng đồng địa phương. Do đó, hàng năm, bên cạnh các mục tiêu về phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn luôn đặt mục tiêu đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng dân cư trong địa bàn Thành phố Bảo Lộc. Tích cực vận động cán bộ công nhân viên chức thực hiện quyên góp cho đồng bào vùng sâu vùng xa, đồng bào ở những vùng bị thiên tai, đóng góp quỹ “Vi người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ mái ấm công đoàn”...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện nay tăng trưởng xanh đang là một trong những vấn đề trọng tâm trong định hướng phát triển của các quốc gia trên thế giới. Các quốc gia chủ trương phát triển nền tài chính xanh để hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng này. Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, Tài chính xanh là việc thành lập, phân phối và sử dụng các quỹ nhằm mục đích tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ngăn biến đổi khí hậu, ngăn ngừa việc thải chất độc ra môi trường, hướng tới tương lai phát triển bền vững. Tại Việt Nam, khái niệm Tài chính xanh hay Thị trường vốn xanh vẫn còn khá mới mẻ với nhiều người dù Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã định hướng xây dựng từ nhiều năm trước. Để xây dựng thành công thị trường vốn xanh, cần huy động sự đóng góp từ xã hội bên cạnh nỗ lực của Chính phủ. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc cam kết sẽ là đơn vị đi đầu trong công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình sản xuất của công ty. Đồng thời, Công ty sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền về tác động của tình trạng biến đổi khí hậu và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các đơn vị trực thuộc Công ty đã phát huy năng lực, trách nhiệm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao trong năm. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, điều hành.

Hoạt động công ích của Công ty: Trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, doanh thu vượt kế hoạch; được đánh giá có nhiều tiến bộ, có nhiều khởi sắc và phát triển.

Hoạt động sản xuất kinh doanh khác: Chưa đạt kế hoạch đề ra, do các nguyên nhân khách quan, chủ quan, các quy định về đấu thầu công trình, dự án chưa thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ,..vv.

Doanh thu vượt kế hoạch nhưng lợi nhuận chưa đạt kế hoạch do chưa thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên, kết quả của hợp đồng chưa được phân chia, đang hạch toán hợp nhất chung tại báo cáo tài chính công ty.

Tóm lại: Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh nhìn chung đạt kế hoạch đề ra, phát huy nguồn vốn Nhà nước, vốn cổ đông, nộp Ngân sách đầy đủ kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động; cuối năm có đủ cơ sở để đề nghị Đại hội đồng cổ đông chia cổ tức cho cổ đông.

* Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 |
|----|----------------------------|------|--------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng | Đồng | 46.573.165.864 |
| 2 | Tổng chi phí | Đồng | 44.520.834.877 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 2.052.330.987 |
| 4 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | Đồng | 445.847.446 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 1.606.483.541 |

* Lợi nhuận phân phối.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 |
|----|---|---------|--------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. | Lợi nhuận 2018 để lại phân phối tiếp | Đồng | 230.966.000 |
| 2. | Lợi nhuận năm 2019 được phân phối | Đồng | 1.606.483.541 |
| 3. | Lợi nhuận lũy kế được phân phối năm nay (1+2) | Đồng | 1.837.449.541 |
| | - Trích các quỹ theo quy định | Đồng | 643.107.339 |
| | - Lợi nhuận phân phối/CP | Đồng | 1.194.342.202 |
| 4. | Lãi p/phối trên CP (1.558.248 CP) | Đồng/CP | 766 |

2. Tình hình tài chính:

Công tác tài chính luôn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời. Công tác hạch toán kế toán được thực hiện đúng quy định đáp ứng yêu cầu của Ban quản lý Công ty, yêu cầu của cơ quan chức năng và đơn vị kiểm toán.

Trong năm qua từng bước khắc phục những khó khăn do lịch sử để lại; phòng Kế toán cũng đã chủ động hơn, kiên quyết hơn trong công tác thu hồi công nợ. Duy trì tốt khâu tiết kiệm chi phí, ưu tiên bố trí vốn cho lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh để làm ra nhiều lợi nhuận.

Trong giai đoạn hiện nay Công ty đã lên sản giao dịch chứng khoán vì vậy cần phải phân tích và báo cáo tài chính kịp thời nhằm phục vụ cho việc công bố thông tin đúng theo các quy định của Luật chứng khoán và yêu cầu của UBCK Nhà nước; đồng thời làm tốt công tác tham mưu cho Lãnh đạo nắm rõ thực trạng tình hình tài chính phục vụ khâu điều hành, quản lý Công ty.

a) Tình hình tài sản: (ĐVT: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng (+), giảm (-) |
|-----------|------------------------------------|---------------|---------------|----------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 25.701 | 28.175 | +9,63% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.296 | 11.139 | +19,83 |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 14.339 | 15.850 | +10,54% |
| 3 | Hàng tồn kho | 2.048 | 1.132 | -44,73% |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 18 | 54 | +200% |
| II | Tài sản dài hạn | 10.609 | 8.286 | -21,9% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 223 | 24 | -89,24% |
| 2 | Tài sản cố định | 8.434 | 6.541 | -22,44% |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 1.952 | 1.721 | -11,83% |
| | Tổng tài sản | 36.310 | 36.461 | +0,42% |

Tình hình tài sản của Công ty khá ổn định trong năm 2019. Tổng tài sản tăng nhẹ 0,42% từ 36,31 tỷ năm 2018 lên 36,461 tỷ đồng năm 2019. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 9,63%, đạt mức 28,175 tỷ đồng, chiếm 77,27% cơ cấu tài sản. Tài sản dài hạn giảm từ 10,609 tỷ đồng xuống 8,286 tỷ đồng, tương đương giảm 21,9% so với năm 2018.

Xét tình hình tăng giảm của từng khoản mục thì Tiền và các khoản tương đương tiền trong năm tăng từ 9,296 tỷ đồng lên 11,139 tỷ đồng. Lượng hàng tồn kho giảm từ 2,048 tỷ đồng xuống 1,132 tỷ đồng; tài sản cố định giảm từ 8,434 tỷ đồng xuống 6,541 tỷ đồng do giá trị hao mòn lũy kế trong năm và thanh lý một số tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm tại Xí nghiệp Vật liệu xây dựng.

b) Tình hình nợ phải trả:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng (+), giảm (-) |
|-----|-----------------------------------|---------------|---------------|----------------------|
| | Nợ ngắn hạn | 17.573 | 18.397 | +4,69% |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 2.761 | 2.555 | -7,46% |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 106 | 106 | |

| | | | | |
|---|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 780 | 1.074 | +37,69% |
| 4 | Phải trả người lao động | 5.031 | 4.766 | -5,27% |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.249 | 1.414 | +13,21% |
| 6 | Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 7.524 | 7.911 | +5,14% |
| 7 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 122 | 571 | +368% |
| | Tổng nợ phải trả | 17.573 | 18.397 | +4,69% |

Tổng nợ phải trả của công ty cuối năm 2019 tăng 4,69% từ 17,573 tỷ đồng lên 18,397 tỷ đồng. Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản vay dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Triển khai việc thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; của HĐQT đã được thông qua. Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt các bộ phận nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

- Kiên quyết khắc phục và có giải pháp hữu hiệu giải quyết những tồn tại trong hoạt động công ích, trong xây dựng cơ bản. Giải quyết dứt điểm việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên đề báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

- Cải cách bộ máy tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần hoạt động theo cơ chế của nền kinh tế thị trường. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm túc Nội quy, Quy chế và các Nghị quyết đã ban hành.

- Phát huy vai trò của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ và quy chế, nhằm tạo sự đồng thuận thống nhất xây dựng công ty phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân; phối hợp với các phòng ban thành phố, các xã, phường, đoàn thể thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, duy trì khai thác hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo trật tự đô thị trên địa bàn thành phố.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | KH 2020 (Triệu đồng) |
|------|---|-------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 48.000 |
| 1.1. | <i>Hoạt động dịch vụ công ích</i> | 35.112 |
| 1.2. | <i>XDCB và hoạt động khác</i> | 6.070 |
| 1.3 | <i>Thu giá dịch vụ môi trường</i> | 6.818 |
| 2. | Lợi nhuận sau thuế | 2.500 |
| 3. | Thu nhập bình quân người lao động/tháng | 7,3 |

* Các biện pháp thực hiện:

- Đầu tư quản lý thiết bị, máy móc, nhà xưởng:

+ Quản lý tốt vật tư, thiết bị máy móc của công ty đồng thời có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tránh tối đa chi phí bổ sung.

+ Thanh lý các tài sản, vật tư không cần dùng hoặc sử dụng kém hiệu quả, đặc biệt là các vật tư, thiết bị điện chiếu sáng không còn giá trị sử dụng.

+ Mua sắm thêm 01 xe ép rác, các loại máy công cụ để kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Đầu tư xây dựng nhà để xe mới; xây dựng lại nhà tiền chế để phục vụ công tác ươm cây giống, các loại hoa, cây lá màu.

- Kế hoạch tổ chức - lao động tiền lương:

+ Phòng tổ chức - hành chính chủ động nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Quy chế lương thưởng cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và yêu cầu thực tế; kể cả lương của các bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong Công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc của lực lượng lao động gián tiếp, trực tiếp trong Công ty. Đồng thời xây dựng kế hoạch lao động tiền lương của người lao động và người quản lý trong năm 2020 để đăng ký quỹ lương với Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng. (Theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH).

+ Xây dựng, quy hoạch cán bộ quản lý điều hành Công ty định hướng đến năm 2025 và các năm tiếp theo. Công tác xây dựng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ của Công ty bài bản, đúng quy trình, cán bộ phải tinh thông nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị, liêm chính có đức, có tâm, có tài.

- Về quản lý doanh thu, chi phí:

Tăng cường quản lý chặt chẽ trong việc thu chi, chú trọng các khoản thu chi lớn, thực hành tiết kiệm đạt hiệu quả cao, thực hiện nhiều biện pháp mà trọng tâm là xây dựng định mức đơn giá nội bộ (như tiền lương, sử dụng máy móc thiết bị, sử dụng chi phí chung, vật tư vật liệu, vv...). Đồng thời tăng cường tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu.

- Các biện pháp khác:

Cải tiến công tác lập kế hoạch, công tác tài chính - kế toán, công tác phối hợp, công tác thi đua - khen thưởng, vv... Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, các phần mềm quản lý, cập nhật kịp thời các văn bản của nhà nước để phục vụ cho hoạt động SXKD của công ty, đặc biệt chú ý các thông tin về đấu thầu, dự thầu các công trình Xây dựng cơ bản.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với những vấn đề môi trường. Trong năm, Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời nỗ lực thực hiện tốt công tác để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần bảo vệ môi trường sống của người dân, xây dựng thành phố “Xanh - sạch - sáng - đẹp”.

Người lao động là một trong những động lực phát triển của Công ty. Vì vậy Ban giám đốc luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên chức của Công ty. Hàng năm, Ban lãnh đạo tiến hành cải cách chính sách lương, thưởng, phúc lợi dựa trên mức sống thực tế của người lao động. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc lắng nghe nguyện vọng của người lao động, hướng đến cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết năng lực cá nhân. Ngoài ra, Ban giám đốc cũng khuyến khích cán bộ, công nhân viên Công ty tham gia vào các hoạt động từ thiện, hoạt động xã hội tại địa phương nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Ban giám đốc cũng tổ chức các chương trình quyên góp giúp đỡ bà con các vùng bị thiên tai khác trên cả nước.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Năm 2019 là năm có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của Công ty, là năm thực hiện theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài Chính về việc xây dựng lộ trình thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý giai đoạn 2017 – 2020 và là năm đầu tiên Công ty trở thành Công ty đại chúng thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc trên thị trường chứng khoán (Ngày giao dịch đầu tiên: 22/7/2019).

- Hoạt động kinh doanh của Công ty không được thuận lợi như: Nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly (đơn vị đốt rác) thường xuyên hư hỏng phải ngưng tiếp nhận rác, việc này gây rất nhiều khó khăn, phiền hà cho Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc trong việc thu gom vận chuyển rác sinh hoạt, ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất của Công ty, tăng chi phí quản lý, công tác vận động thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường cũng gặp khó khăn do một số hộ dân chưa thấu hiểu, đồng thuận, chia sẻ, vừa ảnh hưởng đến tình hình môi trường và mỹ quan của toàn thành phố Bảo Lộc

- Về lĩnh vực XDCB và kinh doanh hoạt động khác: Do các quy định về Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, nghị định 63/2014/NĐ-CP và NĐ 39/2018/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nên theo hiện tại Công ty bị hạn chế làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công xây dựng nên doanh thu, lợi nhuận của Công ty còn hạn chế. Đồng thời Nhà nước thay đổi chủ đầu tư, thị trường kinh doanh, hoạt động của Công ty bị chia mất thị trường, công việc; chưa dứt điểm hợp tác ba bên, tài sản chưa bán đấu giá được, một số công nợ khó đòi chưa thể thu hồi được vv...

- Với trách nhiệm, nghĩa vụ theo Luật doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ theo Giấy phép kinh doanh, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông v.v... HĐQT Công ty thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ trong các kỳ họp (định kỳ hoặc bất thường) và đã ban hành các Quyết định, Nghị quyết để Ban điều hành Công ty thực hiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban điều hành Công ty giai đoạn đầu năm 2019 có 04 người, trong đó có 03 người là thành viên trong HĐQT đến ngày 01/4/2019, ông Đỗ Hữu Sứy – Phó Giám đốc nghỉ hưởng chế độ hưu trí theo Quyết định số 10/QĐ-Cty ngày 26/02/2019 của Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc.

- Hoạt động của Ban điều hành được thực hiện tuân thủ theo đúng các Nghị quyết của HĐQT, các chiến lược kinh doanh được truyền đạt thông suốt từ HĐQT đến Ban điều hành và CB-CNV, do đó hầu hết các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng lộ trình, nên dù trong những lúc khó khăn, vướng mắc nhưng Công ty vẫn vượt qua, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đồng thời khẳng định thương hiệu, năng lực của Công ty trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực hoạt động công ích.

- Ban điều hành Công ty đã tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Ban điều hành tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ sở hữu bảo toàn, phát triển năm sau cao hơn năm trước, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công và thanh quyết toán công trình; các công tác hoạt động dịch vụ công ích được quan tâm đúng mức và giám sát chỉ đạo xử lý kịp thời.

- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Trong năm 2019, Ban điều hành đã chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Ký bổ nhiệm lại chức danh kế toán trưởng Công ty đối với ông Lưu Quang Tuấn.

- Đề xuất bổ nhiệm thêm 01 Phó giám đốc là ông Nguyễn Đức Hạnh thay thế ông Đỗ Hữu Sứy nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

- Hoàn thành việc đầu tư mua xe ô tô Mitsubishi 07 chỗ phục vụ công tác điều hành và mua sắm 01 xe tải nhỏ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ công ích đô thị;

- HĐQT đã thống nhất chế độ lương thưởng năm 2019 cho người quản lý và toàn thể người lao

động Công ty theo đúng chế độ hiện hành và đảm bảo các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đề ra.

- HĐQT đánh giá năm 2019 Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành cụ thể như: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài ra có sự đoàn kết, quyết tâm, năng động của cán bộ quản lý và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ đã mang lại hiệu quả cao, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Cơ cấu số cổ phần:

Tiếp tục tiến hành thoái vốn Nhà nước tại Công ty với các số liệu chủ yếu sau:

- Số lượng cổ phần Nhà nước thực hiện chuyển nhượng: 162.304 cổ phần tương ứng với 10,42% vốn điều lệ thực góp;

- Cơ cấu số cổ phần dự kiến sau chuyển nhượng là: Số lượng cổ phần của Công ty: 1.558.248 cổ phần. Trong đó:

+ Số cổ phần của Nhà nước là: 794.707 cổ phần tương ứng nắm giữ 51% vốn điều lệ thực góp;

+ Số cổ phần của cổ đông là: 763.541 cổ phần tương ứng nắm giữ 49% vốn điều lệ thực góp;

3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | KH 2020 (Triệu đồng) |
|------|---|-------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 48.000 |
| 1.1. | Hoạt động dịch vụ công ích | 35.112 |
| 1.2. | XDCB và hoạt động khác | 6.070 |
| 1.3 | Thu giá dịch vụ môi trường | 6.818 |
| 2. | Lợi nhuận sau thuế | 2.500 |
| 3. | Thu nhập bình quân người lao động/tháng | 7,3 |

* Định hướng hoạt động năm 2020:

Năm 2020 định hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT công ty sẽ phối hợp với Ban điều hành công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ, công nhân, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty.

- Tiếp tục kiện toàn và định biên bộ máy gọn nhẹ, giảm chi phí quản lý đồng thời đào tạo, tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị dự án xây lắp, tổ chức lao động tiền lương.

- Yêu cầu ban điều hành rà soát, xây dựng các quy chế giao khoán nội bộ, quy chế quản lý xe máy thiết bị, quy trình mua sắm và quản lý vật tư, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tài chính Công ty trình HĐQT xem xét, ban hành.

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, cân đối tiền vốn cho sản xuất kinh doanh và tiền vốn cho đầu tư thiết bị thi công; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và quyết liệt trong công tác đối chiếu, xác nhận, thu hồi công nợ.

- Tăng cường việc giám sát, quản lý tốt vật tư, thiết bị máy móc của công ty. Tổ chức thanh lý các tài sản, vật tư không cần dùng, không còn giá trị sử dụng.

- Đầu tư thêm 01 xe ép rác chuyên dùng để phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt; xây dựng nhà tiền chế để ươm cây, giống hoa các loại.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên các công trường đang thi công.

Đồng thời trong năm 2020 thực hiện tiếp theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài Chính, HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết xây dựng lộ trình thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ

phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý giai đoạn 2017 – 2020. Đây là những yếu tố đòi hỏi HĐQT, BDH Công ty cần phải tích cực nỗ lực hơn nữa trong việc định hướng, xây dựng chiến lược kinh doanh, tăng cường sức cạnh tranh với các đối tác trong các lĩnh vực Công ty đang thực hiện.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------|--|---------------------------|---------------|
| 1 | Lê Kim Hiền | Chủ tịch HĐQT - Kiêm Giám đốc công ty | 962.711 | 61,78% |
| 2 | Hoàng Văn Quang | Thành viên HĐQT | 13.400 | 0,86 % |
| 3 | Đỗ Hữu Sứ | Thành viên HĐQT | 4.948 | 0,32% |
| 4 | Nguyễn Duy Tiên | Thành viên HĐQT- Kiêm Phó Giám đốc công ty | 6.800 | 0,37% |
| 5 | Phan Huy Thanh | Thành viên HĐQT | 5.000 | 0,32% |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được ghi vào sổ Biên bản cuộc họp, tất cả các Quyết định đều được các thành viên thảo luận biểu quyết theo nguyên tắc đa số.

- HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo, phê duyệt các phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, cơ cấu tổ chức nhân sự với sự tham gia của 100% thành viên HĐQT.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành, đều phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật của Nhà nước, tập trung vào việc quyết định các vấn đề quan trọng như:

+ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương hướng hoạt động năm 2019. Giải pháp, hướng xử lý dứt điểm các công trình XD/CB còn dở dang;

+ Thống nhất đề cử ông Lê Kim Hiền làm đại diện chủ sở hữu nắm giữ 100% phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc theo văn bản số 639/SNV-CCVC ngày 28/6/2019 của Sở Nội Vụ V/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc và Văn bản số 4191/UBND-TH₃ ngày 09/7/2019 V/v tạm giao Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

+ Tăng hệ số năng lực để tăng mức lương cho người điều hành khác trong Công ty;

+ Phê duyệt mức thù lao HĐQT, BKS Công ty và kế hoạch sử dụng chi phí chung;

+ Thống nhất phương án tổ chức bán đấu giá các gói sản phẩm, hàng hóa, máy móc tại Xí nghiệp Sản xuất vật liệu;

+ Đôn đốc, chỉ đạo ban thanh lý đẩy nhanh việc đối chiếu thu hồi công nợ, tìm kiếm phương pháp hiện hữu, cách thức tiến hành, ...;

+ Thống nhất phương án đầu tư mua xe ô tô Mitsubishi 07 chỗ phục vụ công tác điều hành và mua sắm 01 xe tải nhỏ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ công ích đô thị;

+ Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đối với ông Hoàng Văn Quang và thống nhất cử ông Lê Kim Hiền – Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty giữ chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2015-2019;

+ Thống nhất phương án bổ sung người quản lý doanh nghiệp, người điều hành khác tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc của Giám đốc Công ty;

+ Thống nhất chủ trương đầu tư mua thêm xe ép rác chuyên dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh;

+ Đánh giá công tác kiểm kê cuối năm 2019 và phê duyệt các danh hiệu, mức khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2019, kinh phí phục vụ Tết nguyên đán;

+ Ban hành quyết định bổ nhiệm ông Lưu Quang Tuấn đảm nhiệm chức vụ kế toán trưởng Công ty; bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hạnh đảm nhiệm chức danh Phó giám đốc Công ty;

+ Ban hành quyết định thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban giúp việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- + Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- + Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------|----------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Phạm Văn Minh | Trưởng Ban kiểm soát | 1.000 | 0,06% |
| 2 | Bùi Thị Hải Yến | Thành viên | 1.200 | 0,08% |
| 3 | Nguyễn Đức Hạnh | Thành viên | 17.589 | 1,13% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên, phối hợp thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị mời; Tham gia góp ý việc xây dựng các phương án, dự toán kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập.

- Ban kiểm soát luôn lắng nghe ý kiến của cán bộ, công nhân viên trong công ty, ý kiến cổ đông; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; cũng như việc chấp hành các quy định của Nhà nước và các quy định của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Từ tháng 01 đến tháng 07/2019 việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS thực hiện theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

- Từ tháng 08/2019, chủ tịch HĐQT không còn được chi trả lương theo QĐ số 1426/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng, chỉ được hưởng thù lao của HĐQT nên bổ sung thêm mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 là 10.100.000 đồng. Tổng mức thù Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cho cả năm 2019 là: 245.300.000 đồng. Trong đó:

+ Thù lao cho chủ tịch HĐQT tính từ tháng 08/2019: 4.000.000đ/1tháng.

+ Thù lao cho thành viên HĐQT và trưởng BKS: 3.200.000đ/1người/1tháng.

+ Thù lao cho thành viên BKS: 1.800.000đ/1người/1tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

* Những hạn chế và một số việc chưa hoàn thành:

- Doanh thu vượt kế hoạch nhưng lợi nhuận chưa đạt kế hoạch do chưa thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên, kết quả của hợp đồng chưa được phân chia, đang hạch toán hợp nhất chung tại báo cáo tài chính công ty.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh khác: Chưa đạt kế hoạch đề ra, do các nguyên nhân khách quan, chủ quan, các quy định về đấu thầu công trình, dự án chưa thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ,..vv.

- Các khoản công nợ thu hồi chậm.

- Một số công trình XD CB dở dang còn vướng giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch nên tiến độ thực hiện chậm.

- Công tác dự báo tình hình chưa tốt.

* Nguyên nhân cơ bản về những hạn chế, một số việc chưa hoàn thành:

- Có sự phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng, nhưng chưa có sự phối kết hợp giữa các thành viên.

- Những khó khăn trong hợp tác sản xuất vật liệu xây dựng chưa được giải quyết. Việc tổ chức bán đấu giá, thanh lý tài sản máy móc, thiết bị và vật tư tại Xí nghiệp Sản xuất vật liệu đến nay vẫn chưa xong.

- Việc thu hồi công nợ của các đối tác còn chậm, mặc dầu HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thành lập Tổ công tác thu hồi công nợ, Ban thanh lý hợp tác sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Nhiều sự bổ sung các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước vv... đội ngũ cán bộ quản lý chưa kịp thời nắm bắt và áp dụng có hiệu quả vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Công ty.

* Phương hướng khắc phục hạn chế: Các quyết định của Hội đồng quản trị trong thời gian tới sẽ tập trung vào những vấn đề cơ bản là:

- Phát huy những ưu điểm trong thời gian qua, quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ quản lý, cán bộ các phòng ban, đơn vị trực thuộc nhằm phát huy tốt vai trò tham mưu và thực hiện chức trách, công việc của mình.

- Tập trung cho công tác công ích. Ngoài ra, Công ty cần tìm kiếm thêm công việc theo ngành nghề mà Công ty đã đăng ký để tăng doanh thu, lợi nhuận. Đặc biệt là công tác đầu tư xây dựng cơ bản, tìm các công việc, hạng mục thêm đem về Công ty, chính vì lý do đó, trong năm 2020 HĐQT sẽ xem xét phương án xây dựng phương án thành lập Công ty con để tham gia đấu thầu đối với các dự án dưới 5 tỷ đồng đảm bảo tuân thủ theo các quy định về luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Nghị định 39/2018/NĐ-CP.

- Tăng cường việc quản lý các nguồn vốn của Công ty. Thường xuyên đối chiếu, thu hồi công nợ.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị khi quyết toán và thực hiện công việc.

- Xây dựng bãi xử lý rác mới tại tiểu khu 474 thôn 2, xã Đại Lào mà UBND thành phố Bảo Lộc đã giao Công ty làm chủ đầu tư, để dự phòng khi nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly bảo trì sửa chữa.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: (Đính kèm bản Báo cáo của kiểm toán độc lập).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt kiểm toán).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



Lê Kim Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 30 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm</u> | <u>Miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Hoàng Văn Quang | Chủ tịch | 30/06/2010 | 07/11/2019 |
| Ông Lê Kim Hiền | Chủ tịch | 07/11/2019 | |
| Ông Đỗ Hữu Sứ | Thành viên | | |
| Ông Nguyễn Duy Tiên | Thành viên | | |
| Ông Phan Huy Thanh | Thành viên | | |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Ông Phạm Văn Minh | Trưởng Ban kiểm soát | | |
| Bà Bùi Thị Hải Yến | Thành viên | | |
| Ông Nguyễn Đức Hạnh | Thành viên | | |
| <u>Ban Giám đốc</u> | | | |
| Ông Lê Kim Hiền | Giám đốc | | |
| Ông Đỗ Hữu Sứ | Phó Giám đốc | | 26/02/2019 |
| Ông Nguyễn Duy Tiên | Phó Giám đốc | | |
| Ông Nguyễn Đức Hạnh | Phó Giám đốc | 13/02/2020 | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Kim Hiền, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

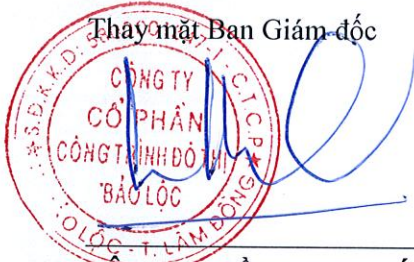
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ KIM HIỀN - Giám đốc

Thành phố Bảo Lộc, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là đơn vị phụ thuộc của Công ty, chuyên kinh doanh khai thác đá tại Mỏ đá Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, đã dừng hoạt động từ năm 2017, Công ty đã nhận được Công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 4 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc dừng việc khai thác đá làm vật liệu thông thường tại Mỏ đá này. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa có quyết định xử lý tài chính đối với Xí nghiệp này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng giá trị tài sản của Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là 6.870.111.246 VND, trong đó số dư phải thu của khách hàng và giá trị thuần của tài sản cố định hữu hình lần lượt là 1.227.466.000 VND và 3.087.205.861 VND. Với những tài liệu hiện có, Chúng tôi cũng không thể xác nhận được tính chính xác, đầy đủ và hiện hữu của các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính của Xí nghiệp sản xuất Vật Liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (*Xem chi tiết tại Phụ lục 01 và các thuyết minh chi tiết có liên quan đến Xí nghiệp này*). Do đó, Chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý về các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán của Xí nghiệp Sản xuất vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Xí nghiệp sản xuất Vật Liệu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 31/12/2018 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 28,175,190,683 | 25,701,461,078 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 11,138,973,220 | 9,295,871,338 |
| 1. Tiền | 111 | | 8,117,375,594 | 6,261,087,776 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3,021,597,626 | 3,034,783,562 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15,850,529,453 | 14,338,920,286 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 7,904,648,432 | 7,132,107,646 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 5,165,016,768 | 5,157,236,715 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 3,457,229,853 | 2,706,008,829 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (676,365,600) | (668,746,250) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 12,313,346 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1,131,739,853 | 2,048,272,392 |
| Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 1,131,739,853 | 2,048,272,392 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 53,948,157 | 18,397,062 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 53,948,157 | 18,397,062 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 8,285,845,535 | 10,609,395,854 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 23,800,000 | 223,597,493 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 23,800,000 | 223,597,493 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 6,540,597,782 | 8,433,741,825 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 6,488,497,782 | 8,381,641,825 |
| Nguyên giá | 222 | | 16,214,074,005 | 19,152,384,656 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.725,576,223) | (10,770,742,831) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 52,100,000 | 52,100,000 |
| Nguyên giá | 228 | | 52,100,000 | 52,100,000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1,721,447,753 | 1,952,056,536 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 1,721,447,753 | 1,952,056,536 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 36,461,036,218 | 36,310,856,932 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 31/12/2018 |
|---|-------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 18,397,422,095 | 17,572,913,280 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 18,397,422,095 | 17,572,913,280 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 2,555,069,713 | 2,760,591,718 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 106,191,537 | 106,191,537 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 1,074,071,970 | 780,132,934 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4,766,093,481 | 5,030,546,747 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 1,414,455,981 | 1,248,574,478 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 7,910,766,221 | 7,524,528,106 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 570,773,192 | 122,347,760 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 18,063,614,123 | 18,737,943,652 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 17,902,616,553 | 18,576,946,082 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 15,582,480,000 | 15,582,480,000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>15,582,480,000</i> | <i>15,582,480,000</i> |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 310,190,259 | 56,695,104 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 2,009,946,294 | 2,937,770,978 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>403,462,753</i> | <i>708,659,332</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>1,606,483,541</i> | <i>2,229,111,646</i> |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 160,997,570 | 160,997,570 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 70,805,620 | 70,805,620 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 90,191,950 | 90,191,950 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 36,461,036,218 | 36,310,856,932 |



LÊ KIM HIỀN
 Giám đốc

LIU QUANG TUẤN
 Kế toán trưởng

LIU QUANG TUẤN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 2019 | 2018 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 46,573,165,864 | 40,765,244,538 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 46,573,165,864 | 40,765,244,538 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 38,045,937,608 | 30,621,529,754 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 8,527,228,256 | 10,143,714,784 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 138,743,935 | 47,099,354 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | - | - |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 6,055,639,022 | 7,017,390,880 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2,610,333,169 | 3,173,423,258 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 84,529,193 | 386,841,878 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 642,531,375 | 182,274,802 |
| 13. Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | VI.5 | (558,002,182) | 204,567,076 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2,052,330,987 | 3,377,990,334 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.6 | 445,847,446 | 1,017,186,089 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.7 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 1,606,483,541 | 2,360,804,245 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7a | 670 | 1,424 |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7b | 670 | 1,424 |

Thành phố Bảo Lộc, ngày 18 tháng 3 năm 2020

LÊ KIM HIỀN
Giám đốcLƯU QUANG TUẤN
Kế toán trưởngLƯU QUANG TUẤN
Ngu Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

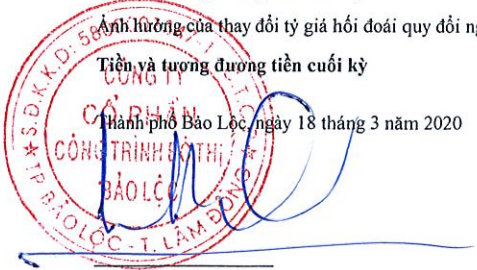
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 2,052,330,987 | 3,377,990,334 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BDSĐT | 02 | | 904,945,179 | 1,993,125,862 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 7,619,350 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (254,053,026) | (233,710,552) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | (887,233,042) | (198,432,864) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1,823,609,448 | 4,938,972,780 |
| - Tăng các khoản phải thu | 09 | VII | 2,308,616,067 | 873,410,027 |
| - Tăng hàng tồn kho | 10 | | 916,532,539 | (89,110,491) |
| - Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả) | 11 | VII | 1,370,634,285 | (967,772,089) |
| - Tăng chi phí trả trước | 12 | | 230,608,783 | (25,428,465) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VII | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (991,972,916) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 253,495,155 | (1,083,553,608) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1,205,142,363) | 56,695,104 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4,706,380,998 | 3,703,213,258 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | VII | (1,469,613,636) | (1,799,792,728) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 115,309,091 | 186,611,198 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng | 27 | | 138,743,935 | 47,099,354 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1,215,560,610) | (1,566,082,176) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (1,647,718,506) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1,647,718,506) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 1,843,101,882 | 2,137,131,082 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 9,295,871,338 | 7,158,740,256 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 11,138,973,220 | 9,295,871,338 |

Thành phố Bảo Lộc, ngày 18 tháng 3 năm 2020



LÊ KIM HIỀN
Giám đốc

LƯU QUANG TUẤN
Kế toán trưởng

LƯU QUANG TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5800001347-1 ngày 16 tháng 7 năm 2010.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 chuẩn y việc đăng bổ sung ngành nghề kinh doanh;

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định số 6978/UBCK-GSĐC. Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 113/2018/GCNCP-VSD ngày 19 tháng 12 năm 2018, theo đó, mã chứng khoán của cổ phiếu Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc là DTB, số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.558.248 cổ phiếu tương ứng tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là 15.582.480.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 15.582.480.000 VND
Số cổ phiếu : 1.558.248 cổ phần
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

• **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại : (84-063) 3 864 057
- Mã số thuế : **5 8 0 0 0 0 1 3 4 7**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Duy tu, bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè. Vệ sinh môi trường, công viên, cây xanh. Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng. Tổ chức dịch vụ quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc. Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước. Sản xuất kinh doanh cây giống, hoa, cây cảnh. Xây dựng công viên. Dịch vụ lưu trú. Kinh doanh vật liệu xây dựng, sửa chữa cơ khí nhỏ. Dịch vụ rửa xe, bơm dầu mỡ. Kinh doanh gas, khí đốt. Kinh doanh phát triển nhà, quản lý, cho thuê nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước được giao quản lý. Khai thác, chế biến khoáng sản: vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi...). Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi khử trùng). Tư vấn đầu tư, thi công, quản lý điều hành các dự án cầu,

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đường giao thông đến cấp 2, công trình điện dưới 35KV, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước, công viên, cây xanh nội thị. Thiết kế, giám sát công trình thủy lợi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 Xí nghiệp sản xuất vật liệu - khai thác đá đã dừng hoạt động từ tháng 5 năm 2017. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng đã có công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc dừng việc khai thác đá làm vật liệu thông thường tại Mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, Thành phố Bảo Lộc.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cấu trúc Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và một Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là đơn vị phụ thuộc của Công ty, chuyên kinh doanh thác đá tại Mỏ đá Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 153 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 159 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm năm sau.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 10 (mười) của Công ty kể từ khi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|-----------------------|---------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 3 – 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 – 10 |
| Thiết bị văn phòng | 10 - 15 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại Mô đá đèo Bảo Lộc của Công ty. Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chia để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí công cụ dụng cụ, giá trị lợi thế kinh doanh và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, giá trị lợi thế kinh doanh và chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem bên dưới).

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Văn phòng Công ty | 11.132.571.209 | 9.289.469.327 |
| Tiền mặt | 531.490.314 | 41.085.635 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.579.483.269 | 6.213.600.130 |
| Tương đương tiền (i) | 3.021.597.626 | 3.034.783.562 |
| Xí nghiệp Vật liệu xây dựng | 6.402.011 | 6.402.011 |
| Tiền mặt | 6.402.011 | 6.402.011 |
| Tiền gửi ngân hàng | - | - |
| Cộng | <u>11.138.973.220</u> | <u>9.295.871.338</u> |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bảo Lộc với lãi suất 4,6%/năm (năm 2018 4,6%).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | | |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Văn phòng Công ty | 6.677.182.432 | 5.668.391.646 |
| Công ty Phụng Hùng | 94.185.000 | 94.185.000 |
| Công ty TNHH XD TM Đại Phúc Đạt | 99.815.000 | 99.815.000 |
| Công ty TNHH DV - TM Huỳnh Tâm Long | 120.396.068 | 120.396.068 |
| Công ty TNHH XD CT Nam Việt | 467.754.500 | 467.754.500 |
| Ngân sách TP. Bảo Lộc | 5.304.986.345 | 4.199.439.059 |
| Ủy ban Phường Lộc Tiến | 410.610.349 | 410.610.349 |
| Các khách hàng khác | 179.435.170 | 276.191.670 |
| Xí nghiệp VLXD | 1.227.466.000 | 1.463.716.000 |
| Công ty TNHH XD CT Nam Việt | 734.929.000 | 734.929.000 |
| Công ty TNHH Nguyễn Thanh | 400.000.000 | 600.000.000 |
| Các khách hàng khác | 92.537.000 | 128.787.000 |
| Cộng | <u>7.904.648.432</u> | <u>7.132.107.646</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Văn phòng Công ty | 5.165.016.768 | 5.157.236.715 |
| Công ty TNHH Hồng Kỳ | - 171.734.197 | 171.734.197 |
| Công ty TNHH TVXD Khánh Phát | 385.981.000 | 385.981.000 |
| Công ty TNHH XD thủy lợi Quốc Minh | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Liên doanh Công ty TVXD Miền Đông & TAA | 1.957.651.983 | 1.957.651.983 |
| Công ty TNHH XD Thuận Tiến | 893.692.000 | 893.692.000 |
| Đường Nguyễn Khuyến P2 | 114.367.636 | 114.367.636 |
| Ông Nguyễn Đức Hạnh | 6.000.000 | 6.000.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Ông Võ Ngô Đình Phở | 108.864.475 | 108.864.475 |
| Ông Nguyễn Duy Tiên | 24.219.818 | 24.219.818 |
| Trung tâm nghiên cứu , dịch vụ công nghệ và môi trường. | 112.200.000 | 112.200.000 |
| Trung tâm TVĐT & PTQĐ Bảo Lộc | 104.536.000 | 104.536.000 |
| Bùi Thanh Tùng | 613.900.123 | 613.900.123 |
| Công ty TVXD Sông Hồng | 116.345.134 | 116.345.134 |
| Các nhà cung cấp khác | 455.524.402 | 447.744.349 |
| Cộng | <u>5.165.016.768</u> | <u>5.157.236.715</u> |

4. Phải thu khác

| | <u>31/12/2019</u> | | <u>31/12/2018</u> | |
|----------------------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 3.457.229.853 | - | 2.706.008.829 | - |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | 2.710.793.277 | - | 1.959.572.253 | - |
| Tạm ứng | 138.160.593 | - | 172.753.593 | - |
| Khu nghỉ dưỡng Hồ Nam Phương 2 | 300.258.070 | - | 565.279.446 | - |
| Ngân sách TP Bảo Lộc | 565.279.446 | - | 300.258.070 | - |
| Phải thu khác | 1.707.095.168 | - | 921.281.144 | - |
| <i>Xí nghiệp VLXD</i> | 746.436.576 | - | 746.436.576 | - |
| Phải thu khác | 746.436.576 | - | 746.436.576 | - |
| b) Phải thu dài hạn khác | 23.800.000 | - | 223.597.493 | - |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | - | - | 199.797.493 | - |
| Các khoản ký quỹ dài hạn | - | - | 199.797.493 | - |
| <i>Xí nghiệp VLXD</i> | 23.800.000 | - | 23.800.000 | - |
| Các khoản ký quỹ dài hạn | 23.800.000 | - | 23.800.000 | - |
| Cộng | <u>3.481.029.853</u> | - | <u>2.929.606.322</u> | - |

5. Nợ xấu

| | <u>31/12/2019</u> | | | <u>31/12/2018</u> | | |
|---|-------------------|------------------------|---------------|-------------------|------------------------|---------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| Dự phòng Phải thu ngắn hạn khó đòi | 676.365.600 | - | (676.365.600) | 668.746.250 | - | (668.746.250) |
| Văn | 676.365.600 | - | (676.365.600) | 668.746.250 | - | (668.746.250) |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 31/12/2019 | | | 31/12/2018 | | |
|---|--------------------|------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| phòng Công ty | | | | | | |
| <i>Công ty Phương Hùng Công ty TNHH XD TM Đại Phúc Đạt Cty TNHH XD CT Nam Việt Phải thu khách hàng khác</i> | | | | | | |
| | - | | - | 94.185.000 | | (94.185.000) |
| | 99.815.000 | - | (99.815.000) | 99.815.000 | - | (99.815.000) |
| | 467.754.500 | - | (467.754.500) | 467.754.500 | - | (467.754.500) |
| | 108.796.100 | - | (108.796.100) | 6.991.750 | - | (6.991.750) |
| Cộng | 676.365.600 | - | (676.365.600) | 668.746.250 | - | (668.746.250) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|--------------|-------------|
| Số đầu năm | 668.746.250 | 668.746.250 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 101.804.350 | - |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (94.185.000) | - |
| Số cuối năm | 676.365.600 | 668.746.250 |

Thông tin về khoản nợ xấu:

- Khoản nợ xấu liên quan khoản phải thu của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | |
|-----------------------|---------------|----------|---------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Vấn phòng Công ty | 1.131.739.853 | - | 1.097.479.142 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 629.090.299 | - | 661.661.995 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 108.405.540 | - | 100.365.540 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 240.483.507 | - | 193.103.478 | - |
| Thành phẩm | 153.760.507 | - | 142.348.129 | - |
| Xí nghiệp VLXD | - | - | 950.793.250 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 28.891.682 | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 122.000.000 | - |
| Thành phẩm | - | - | 799.901.568 | - |
| Cộng | 1.131.739.853 | - | 2.048.272.392 | - |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2019 | 4.348.468.160 | 6.776.735.367 | 7.953.941.129 | 73.240.000 | 19.152.384.656 |
| Tăng trong năm | - | - | 1.469.613.636 | - | 1.469.613.636 |
| <i>Mua sắm mới</i> | - | - | 1.469.613.636 | - | 1.469.613.636 |
| Giảm trong năm | - | - | 39.364.969 | - | 4.407.924.287 |
| <i>Thanh lý trong năm</i> | - | 4.368.559.318 | 39.364.969 | - | 4.407.924.287 |
| 31/12/2019 | 4.348.468.160 | 6.776.735.367 | 9.384.189.796 | 73.240.000 | 16.214.074.005 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 01/01/2019 | 3.702.302.611 | 3.090.959.397 | 3.939.090.823 | 38.390.000 | 10.770.742.831 |
| Tăng trong năm | 80.424.000 | - | 816.306.425 | 8.214.754 | 904.945.179 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | 80.424.000 | - | 816.306.425 | 8.214.754 | 904.945.179 |
| Giảm trong năm | - | 1.910.746.818 | 39.364.969 | - | 1.950.111.787 |
| <i>Thanh lý trong năm</i> | - | 1.910.746.818 | 39.364.969 | - | 1.950.111.787 |
| 31/12/2019 | 3.782.726.611 | 1.180.212.579 | 4.716.032.279 | 46.604.754 | 9.725.576.223 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2019 | 646.165.549 | 3.685.775.970 | 4.014.850.306 | 34.850.000 | 8.381.641.825 |
| 31/12/2019 | 565.741.549 | 5.596.522.788 | 4.668.157.517 | 26.635.246 | 6.488.497.782 |
| Trong đó: | | | | | |
| Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | |
| Số đầu năm | 646.165.549 | 3.685.775.970 | 4.014.850.306 | 34.850.000 | 8.381.641.825 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số cuối năm | 565.741.549 | 1.227.963.470 | 4.676.051.031 | 26.654.000 | 6.496.410.050 |
| Tài sản cố định liên quan đến Xí nghiệp VLXD: | | | | | |
| Nguyên giá | 84.341.818 | 2.139.825.574 | | 1.706.885.339 | 3.931.052.731 |
| Khấu hao lũy kế | - | 726.294.320 | - | 117.552.550 | 843.846.870 |
| Giá trị còn lại | 84.341.818 | 1.413.531.254 | - | 1.589.332.789 | 3.087.205.861 |

8. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất tại Mô đá đèo Bảo Lộc, không xác định thời hạn.

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>31/12/2019</u> | <u>31/12/2018</u> |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Dài hạn | 1.721.447.753 | 1.952.056.536 |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | <i>1.605.844.049</i> | <i>1.836.452.832</i> |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.203.229.236 | 971.347.525 |
| Giá trị lợi thế kinh doanh | 402.614.813 | 804.614.813 |
| Chi phí khác | - | 60.490.494 |
| <i>Xí nghiệp VLXD</i> | <i>115.603.704</i> | <i>115.603.704</i> |
| Chi phí khác | 115.603.704 | 115.603.704 |
| Cộng | 1.721.447.753 | 1.952.056.536 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>31/12/2019</u> | | <u>31/12/2018</u> | |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Văn phòng công ty | 2.555.069.713 | 2.555.069.713 | 2.760.591.718 | 2.760.591.718 |
| Công ty Đông Phương HCM | 391.084.737 | 391.084.737 | 3.360.000 | 3.360.000 |
| Công ty Xây dựng 1 Lâm Đồng | 109.187.667 | 109.187.667 | 495.859.629 | 495.859.629 |
| Cây xăng Tín Hùng DNTN Cơ khí XD | 295.072.259 | 295.072.259 | 380.307.059 | 380.307.059 |
| Việt Hưng | 172.311.061 | 172.311.061 | 215.240.000 | 215.240.000 |
| Hoa kiếng Tuấn Thủy Cửa hàng VLXD | 542.910.100 | 542.910.100 | 87.240.400 | 87.240.400 |
| Long Hoa | 180.393.240 | 180.393.240 | 162.900.099 | 162.900.099 |
| Các nhà cung cấp khác | 864.110.649 | 864.110.649 | 1.415.684.531 | 1.415.684.531 |
| Cộng | 2.555.069.713 | 2.555.069.713 | 2.760.591.718 | 2.760.591.718 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>31/12/2019</u> | <u>31/12/2018</u> |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Văn phòng Công ty | 89.691.537 | 89.691.537 |
| Công ty TNHH TV TKĐT & TM Kiến Tạo | 12.676.700 | 12.676.700 |
| Ban quản lý dự án | 68.278.837 | 68.278.837 |
| Hạn mức XDCB NS Tỉnh | 4.536.000 | 4.536.000 |
| Ông Dương Đình Thắng | 4.200.000 | 4.200.000 |
| Xí nghiệp VLXD | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Công ty TNHH Kiến Giang | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Cộng | <u>106.191.537</u> | <u>106.191.537</u> |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | <u>01/01/2019</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>31/12/2019</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa | 284.826.718 | 2.340.176.330 | 1.573.497.979 | 1.051.505.069 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 492.177.313 | 445.847.446 | 991.972.916 | (53.948.157) |
| Thuế thu nhập cá nhân | (10.981.190) | 66.640.000 | 36.220.812 | 19.437.998 |
| Các loại thuế khác | (4.286.969) | 443.209.681 | 435.793.809 | 3.128.903 |
| <i>Phí khác</i> | - | 10.101.015 | 10.101.015 | - |
| <i>Thuế tài nguyên</i> | 3.128.903 | - | - | 3.128.903 |
| <i>Tiền thuê đất</i> | - | 422.692.794 | 422.692.794 | - |
| <i>Phí Vệ sinh môi trường</i> | (7.415.872) | 7.415.872 | - | - |
| <i>Thuế môn bài</i> | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | <u>761.735.872</u> | <u>3.295.873.457</u> | <u>3.037.485.516</u> | <u>1.020.123.813</u> |

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán riêng:

| | | |
|---|--------------------|----------------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) | 18.397.062 | 53.948.157 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | <u>780.132.934</u> | <u>1.074.071.970</u> |

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

+ Hoạt động công ích : Không chịu thuế

+ Bán cây : 5%

+ Hoạt động khác : 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Xem Thuyết minh số VI.7.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>31/12/2019</u> | <u>31/12/2018</u> |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Văn phòng Công ty | | 1.248.574.478 |
| Chi phí dịch vụ | 50.000.000 | 36.363.636 |
| Chi phí dịch vụ khác | 1.364.455.981 | 1.212.210.842 |
| Cộng | <u>1.414.455.981</u> | <u>1.248.574.478</u> |

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Văn phòng Công ty | 3.582.575.947 | 3.162.750.457 |
| Kinh phí công đoàn | 150.432.629 | - |
| Bảo hiểm xã hội | 1.105.966 | - |
| Bảo hiểm y tế | - | 117.137.641 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 49.626.957 |
| Ngân sách TP Bảo Lộc | - | 2.995.985.859 |
| Các khoản phải trả khác | 3.431.037.352 | - |
| Xí nghiệp VLXD | 4.328.190.274 | 4.361.777.649 |
| Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt | 2.164.095.137 | 2.164.095.137 |
| Công ty TNHH TM DV Trương Vũ | 2.164.095.137 | 2.164.095.137 |
| Các khoản phải trả khác | - | 33.587.375 |
| Cộng | <u>7.910.766.221</u> | <u>7.524.528.106</u> |

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|------------------------------|-----------------------------|---|------------------------------|
| 01/01/2018 | 15.582.480.000 | - | 1.077.177.506 | 16.659.657.506 |
| Trích lập các quỹ | - | 56.695.104 | (198.432.864) | (141.737.760) |
| Chia cổ tức | - | - | (368.518.174) | (368.518.174) |
| Điều chỉnh tăng khác | - | - | 66.740.265 | 66.740.265 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 2.360.804.245 | 2.360.804.245 |
| 31/12/2018 | <u>15.582.480.000</u> | <u>56.695.104</u> | <u>2.937.770.978</u> | <u>18.576.946.082</u> |
| 01/01/2019 | 15.582.480.000 | 56.695.104 | 2.938.414.301 | 18.577.589.405 |
| Trích lập các quỹ | - | 253.495.155 | (887.233.042) | (633.737.887) |
| Chia cổ tức năm 2018 | - | - | (1.647.718.506) | (1.647.718.506) |
| Điều chỉnh tăng khác | - | - | 643.323 | 643.323 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 1.606.483.541 | 1.606.483.541 |
| 31/12/2019 | <u>15.582.480.000</u> | <u>310.190.259</u> | <u>2.009.946.294</u> | <u>17.902.616.553</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>31/12/2019</u> | <u>31/12/2018</u> |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 1.558.248 | 1.558.248 |
| Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 1.558.248 | 1.558.248 |
| <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>1.558.248</i> | <i>1.558.248</i> |
| <i>Cổ phần ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phần được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Cổ phần ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 1.558.248 | 1.558.248 |
| <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>1.558.248</i> | <i>1.558.248</i> |
| <i>Cổ phần ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm 2019</u> | <u>Năm 2018</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hoạt động kinh doanh và công ích | 46.573.165.864 | 40.765.244.538 |
| Cộng | 46.573.165.864 | 40.765.244.538 |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn hoạt động kinh doanh và công ích | 38.045.937.608 | 30.621.529.754 |
| Cộng | 38.045.937.608 | 30.621.529.754 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|------------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 138.743.935 | 47.099.354 |
| Cộng | 138.743.935 | 47.099.354 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.841.400.336 | 2.784.746.078 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 97.984.860 | 164.987.398 |
| Chi chi đồ dùng văn phòng | 40.192.221 | 1.246.922.655 |
| Chi phí khấu hao | 908.645.308 | 1.419.421.130 |
| Thuế, phí và lệ phí | 310.761.127 | 8.914.800 |
| Chi phí dự phòng | 240.305.850 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 194.643.828 | - |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.421.705.492 | 1.392.398.818 |
| Cộng | 6.055.639.022 | 7.017.390.879 |

5. Lợi nhuận (lỗ) khác

| | | |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | 84.529.193 | 386.841.878 |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 176.173.878 |
| Nhập thừa kiểm kê | - | - |
| Thu nhập khác | 84.529.193 | 210.668.000 |
| Chi phí khác | 642.531.375 | 182.274.802 |
| Tiền phạt chậm nộp | 106.506.244 | 181.874.247 |
| Thanh lý TSCĐ | 536.025.131 | - |
| Chi phí khác | - | 400.555 |
| Lợi nhuận (lỗ) khác | (558.002.182) | 204.567.076 |

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.052.330.987 | 3.377.990.335 |
| <i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</i> | <i>176.906.244</i> | <i>181.874.247</i> |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 176.906.244 | 181.874.247 |
| <i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i> | <i>106.506.244</i> | <i>181.874.247</i> |
| <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i> | <i>70.400.000</i> | <i>-</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 2.229.237.231 | 3.559.864.582 |
| Thuế suất áp dụng | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 445.847.446 | 711.972.916 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm 2016 | - | 305.213.173 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 445.847.446 | 1.017.186.089 |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| 7. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | | |
| a/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế | 1.606.483.541 | 2.360.804.245 |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển | (562.269.239) | (141.737.760) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 1.044.214.302 | 2.219.066.485 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.558.248 | 1.558.248 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 670 | 1.424 |
| b/ Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 1.044.214.302 | 2.219.066.485 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 1.044.214.302 | 2.219.066.485 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.558.248 | 1.558.248 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 1.558.248 | 1.558.248 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 670 | 1.424 |
| 8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 138.177.081 | 1.411.910.053 |
| Chi phí nhân công | 2.841.400.336 | 2.784.746.078 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 908.645.308 | 1.419.421.130 |
| Chi phí dự phòng | 240.305.850 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 194.643.828 | 8.914.800 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.732.466.619 | 1.392.398.818 |
| Cộng | 6.055.639.022 | 7.017.390.879 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

| | <u>Năm 2019</u> | <u>Năm 2018</u> |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, phụ cấp | 1.402.201.816 | 1.048.623.507 |
| Cộng | 1.402.201.816 | 1.048.623.507 |

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kết toán như sau:

| | <u>31/12/2019</u> | <u>31/12/2018</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Các khoản vay | - | - |
| Trừ: Tiền | (11.138.973.220) | (6.261.087.776) |
| Nợ thuần | (11.138.973.220) | (6.261.087.776) |
| Vốn chủ sở hữu | 17.902.616.553 | 18.882.159.256 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | (0,62) | (0,33) |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | <u>31/12/2019</u> | | <u>31/12/2018</u> | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền | 11.138.973.220 | 11.138.973.220 | 6.261.087.776 | 6.261.087.776 |
| Phải thu của khách hàng | 7.228.282.832 | 7.228.282.832 | 6.463.361.396 | 6.463.361.396 |
| Phải thu khác | 3.342.869.260 | 3.342.869.260 | 1.891.315.213 | 1.891.315.213 |
| Cộng | 21.710.125.312 | 21.710.125.312 | 14.615.764.385 | 14.615.764.385 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 2.555.069.713 | 2.555.069.713 | 2.760.591.718 | 2.760.591.718 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | |
|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Chi phí phải trả | 1.414.455.981 | 1.414.455.981 | 1.248.574.478 | 1.248.574.478 |
| Phải trả khác | 7.759.227.626 | 7.759.227.626 | 7.386.169.634 | 7.386.169.634 |
| Cộng | 11.728.753.320 | 11.728.753.320 | 11.395.335.830 | 11.395.335.830 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu tiền cho mượn và phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay, cho mượn và phải thu khác

Đối tượng của các khoản cho vay, cho mượn và phải thu khác của Công ty chủ yếu là công ty con và đối tượng có liên quan, cho nên không có rủi ro đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Trong vòng 1 năm | Từ trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| 31/12/2019 | | | |
| Tiền | 11.138.973.220 | - | 11.138.973.220 |
| Phải thu của khách hàng | 7.228.282.832 | - | 7.228.282.832 |
| Phải thu khác | 3.319.069.260 | 23.800.000 | 3.342.869.260 |
| Cộng | 21.686.325.312 | 23.800.000 | 21.710.125.312 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Trong vòng 1 năm | Từ trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 2.555.069.713 | - | 2.555.069.713 |
| Chi phí phải trả | 1.414.455.981 | - | 1.414.455.981 |
| Phải trả khác | 7.759.227.626 | - | 7.759.227.626 |
| Cộng | 11.728.753.320 | - | 11.728.753.320 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 9.957.571.992 | 23.800.000 | 9.981.371.992 |
| 31/12/2018 | | | |
| Tiền | 6.261.087.776 | - | 6.261.087.776 |
| Phải thu của khách hàng | 6.463.361.396 | - | 6.463.361.396 |
| Phải thu khác | 1.867.515.213 | 23.800.000 | 1.891.315.213 |
| Cộng | 14.591.964.385 | 23.800.000 | 14.615.764.385 |
| Phải trả người bán | 2.760.591.718 | - | 2.760.591.718 |
| Chi phí phải trả | 1.248.574.478 | - | 1.248.574.478 |
| Phải trả khác | 7.386.169.634 | - | 7.386.169.634 |
| Cộng | 11.395.335.830 | - | 11.395.335.830 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 3.196.628.555 | 23.800.000 | 3.220.428.555 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp do các công nợ tài chính thấp hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Bảo Lộc, ngày 18 tháng 3 năm 2020



LƯU QUANG TUẤN
Kế toán trưởng

LƯU QUANG TUẤN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

